



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam

Ngày 30/09/2024	9,120 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.0%	2.1%	-1.5%

DT thuần Q3/24
165
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 43.0 35.5%
YoY: ▲ 37.0 29.2%

LN thuần Q3/24
10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.25 970%
YoY: ▲ 5.81 132%

LN sau thuế Q3/24
8.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.13 713%
YoY: ▲ 4.43 120%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
6.4%
YoY: +/- ▲ 4.9%

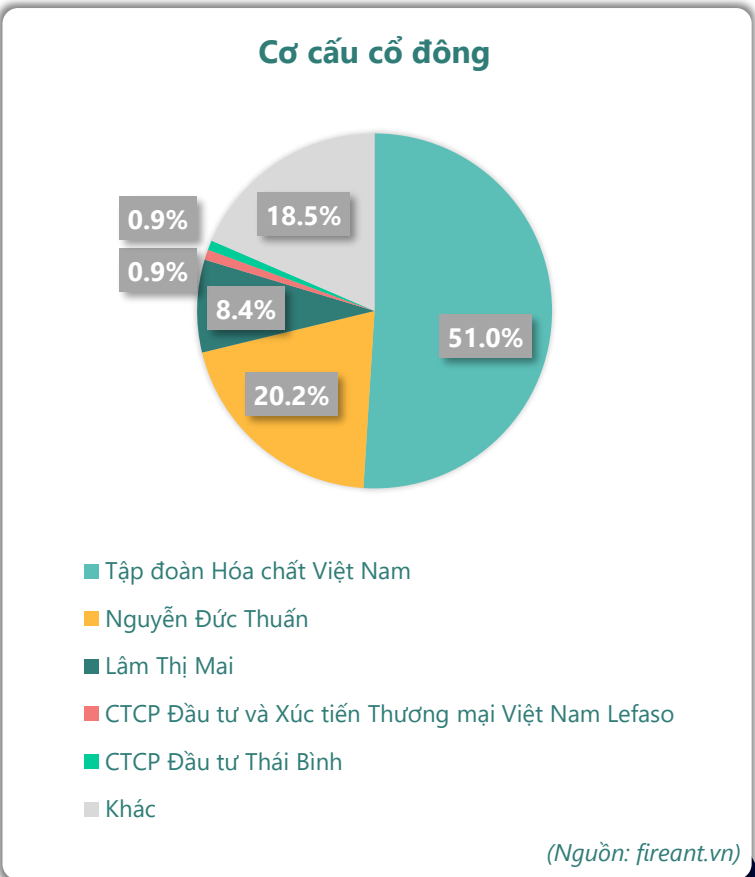
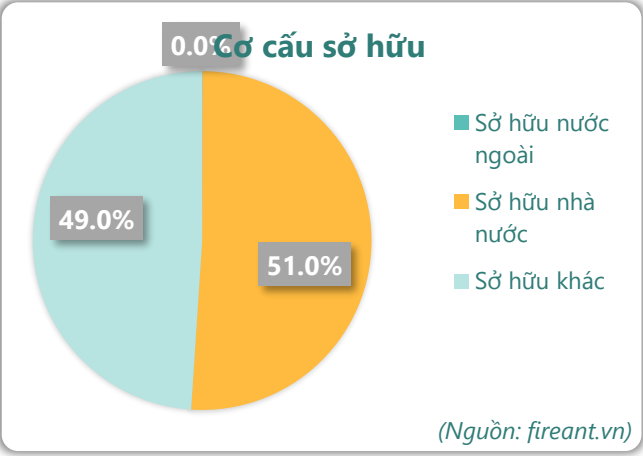
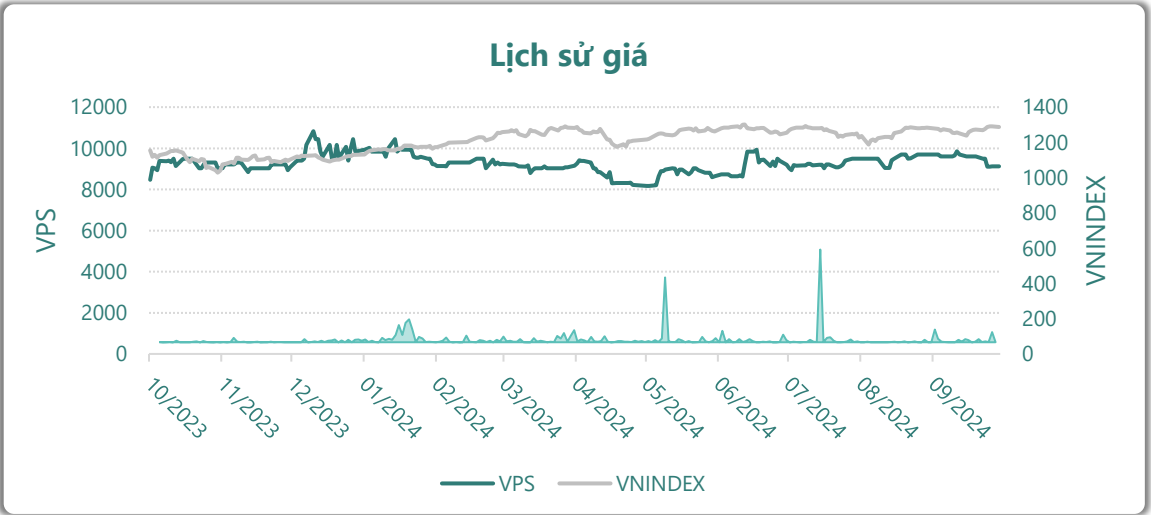
ROE (TTM) Q3/24
6.0%
YoY: +/- ▲ 1.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,170 - 10,829
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	223
Số lượng CPLH (CP)	24,460,792
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.16
EPS	807
P/E	11.3

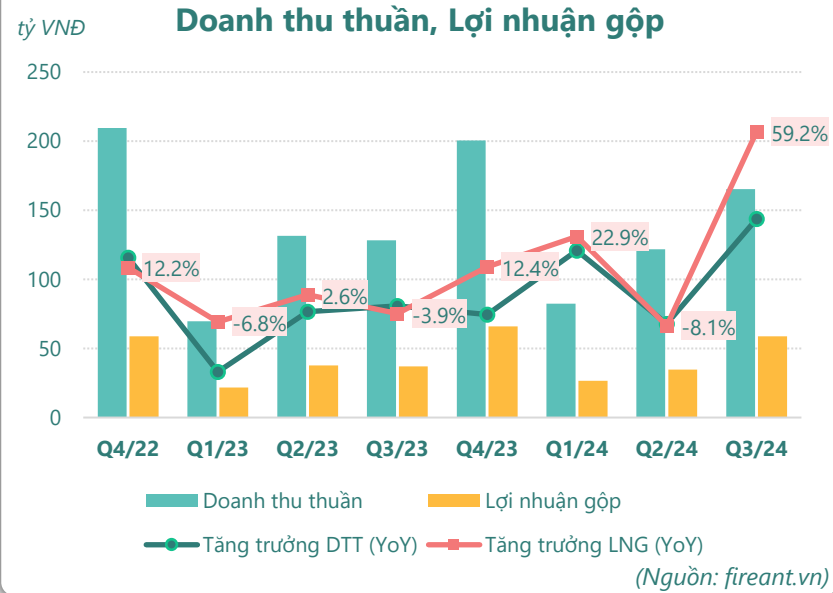
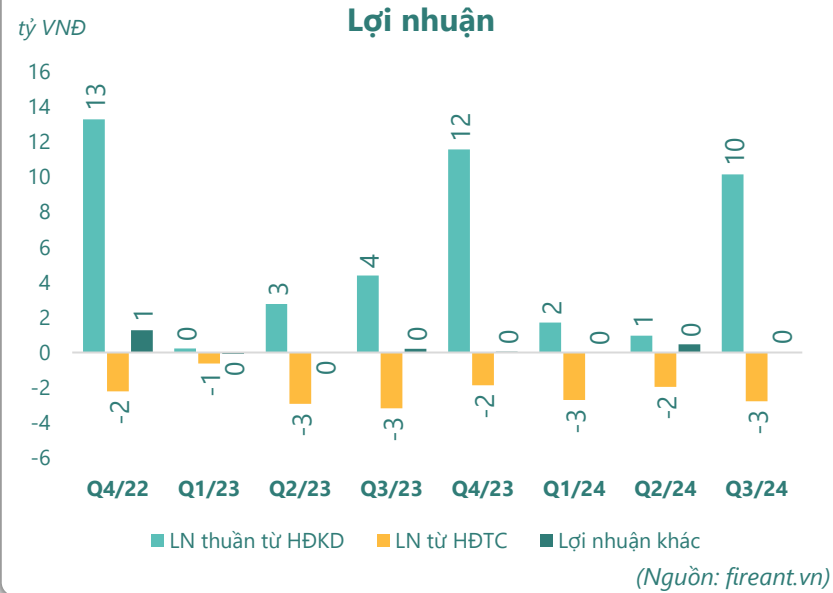
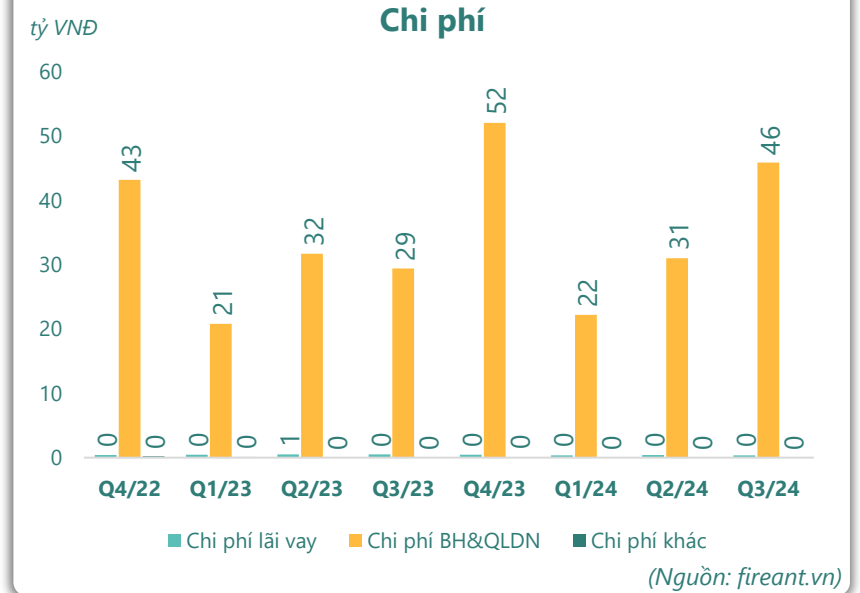
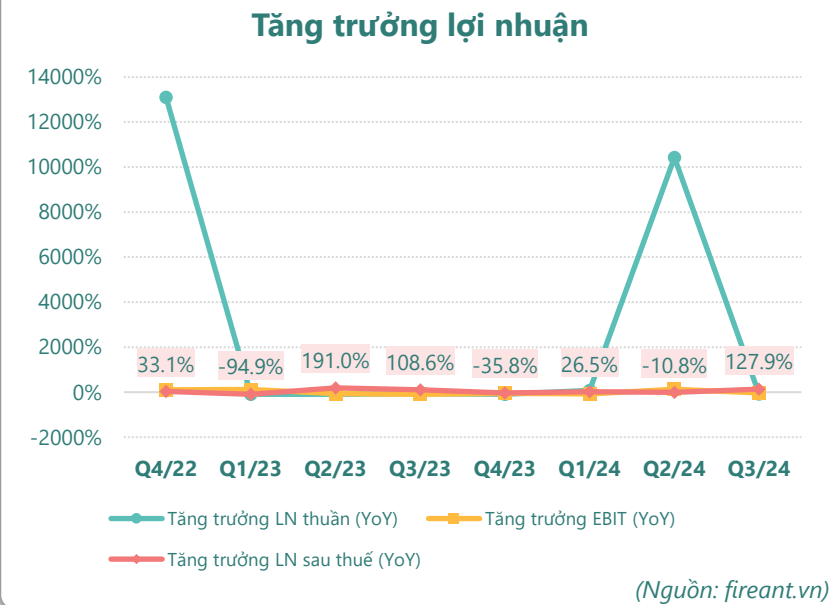
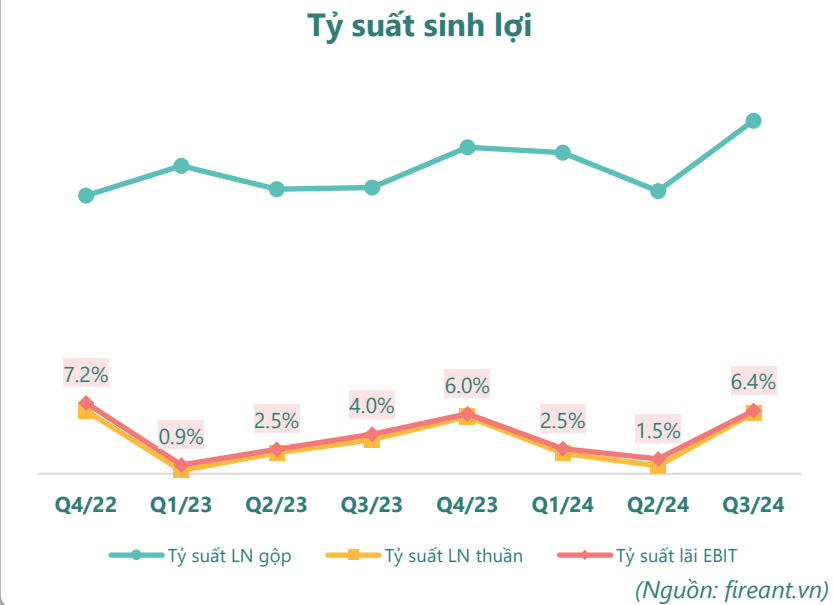
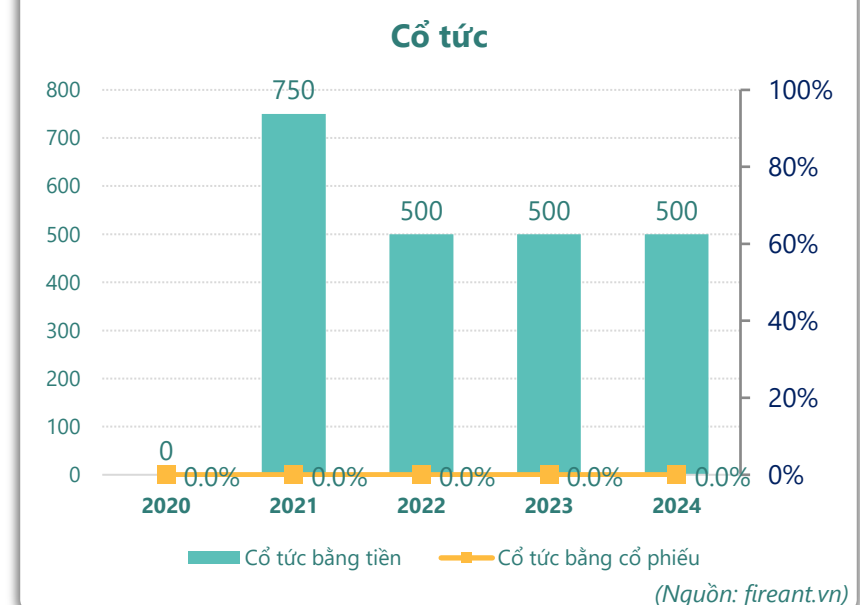
DT thuần 9T 2024
370
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0 12.1%

LN thuần 9T 2024
12.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.43 74.1%

LN sau thuế 9T 2024
10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.55 76.3%



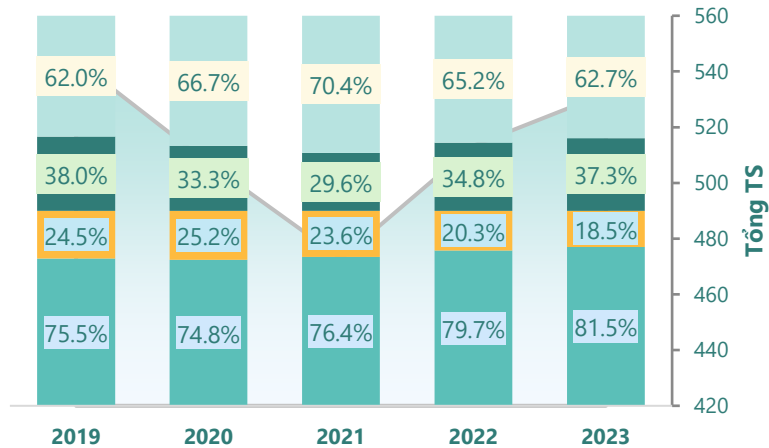
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

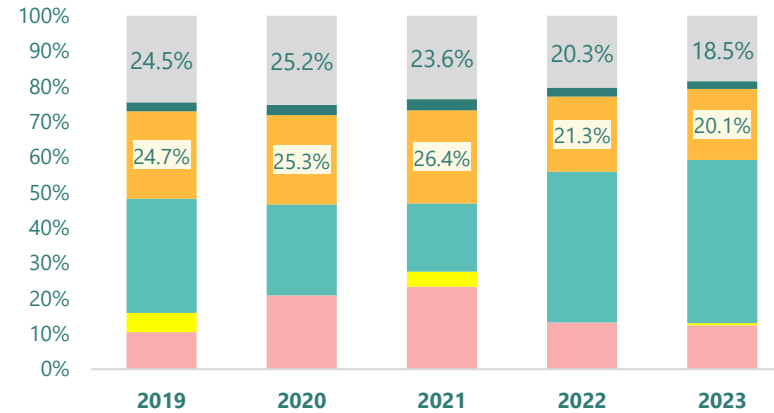
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

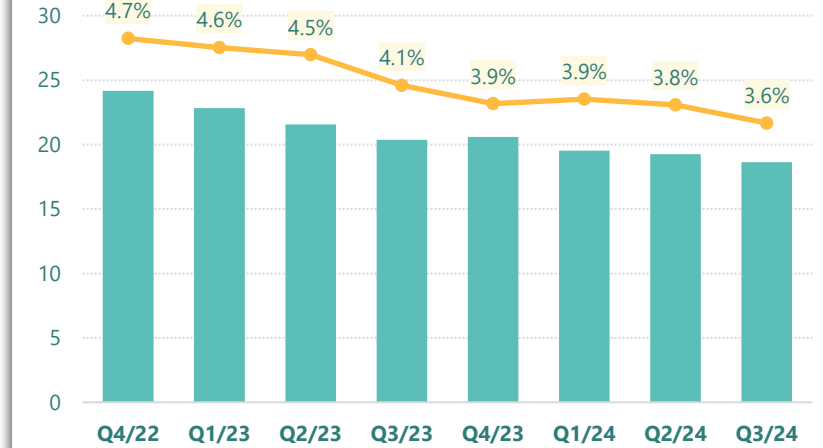


■ Tiền và ĐĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

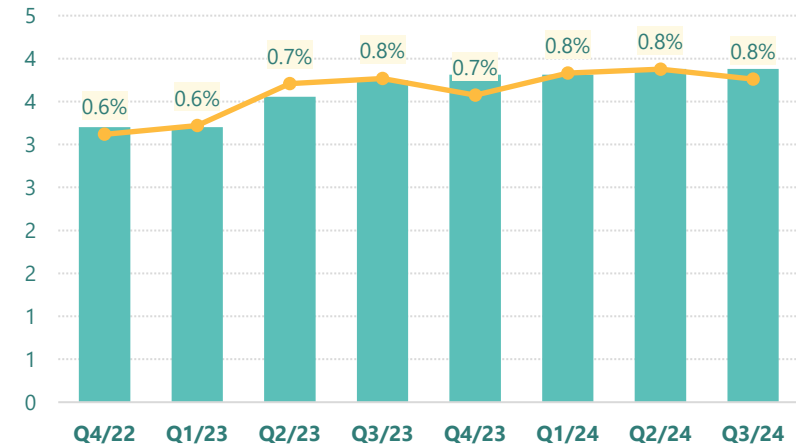


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

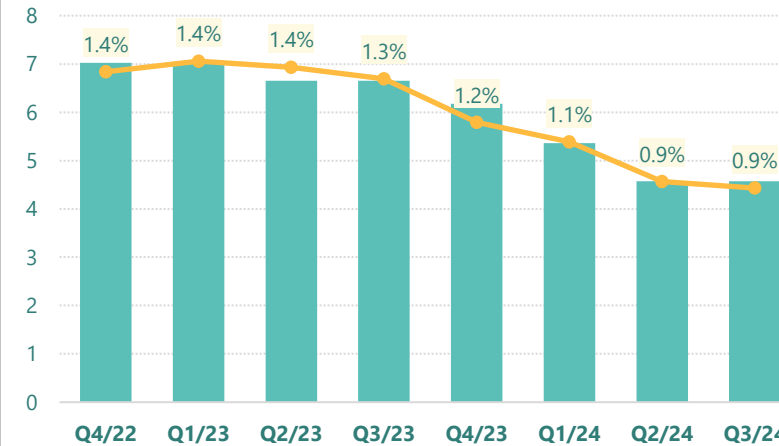


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

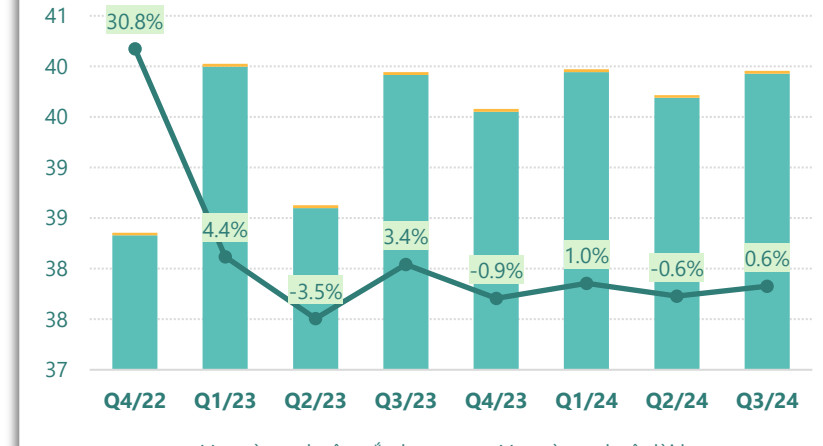


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



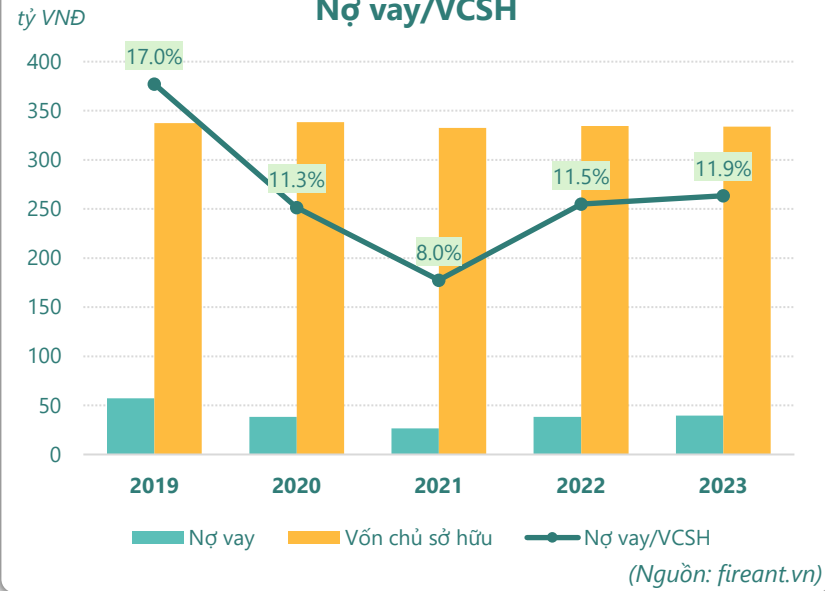
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

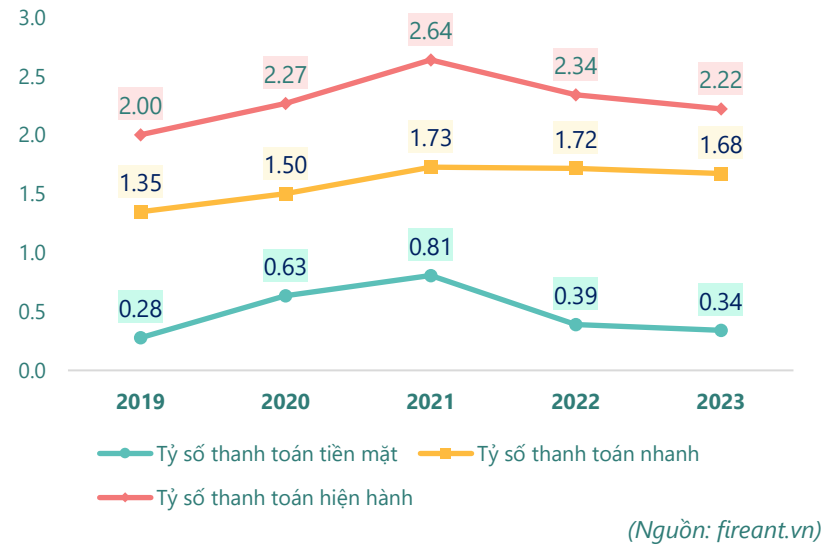
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

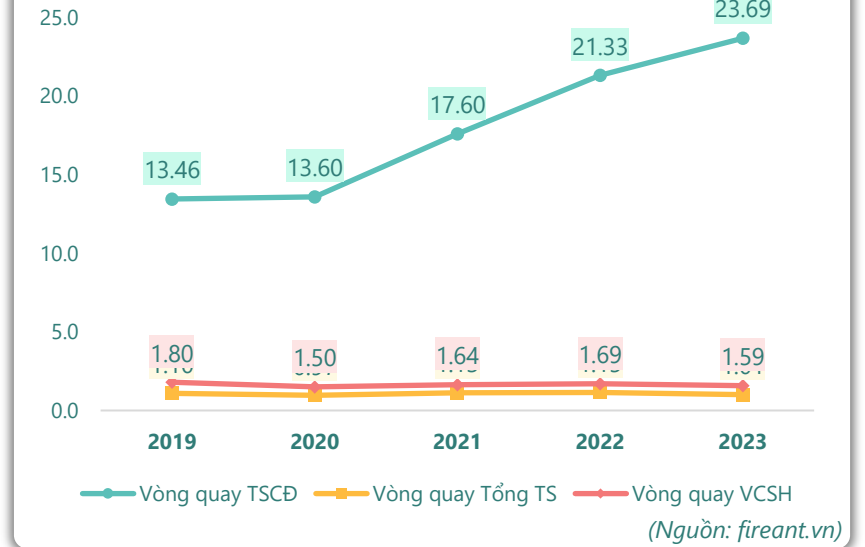
Nợ vay/VCSH



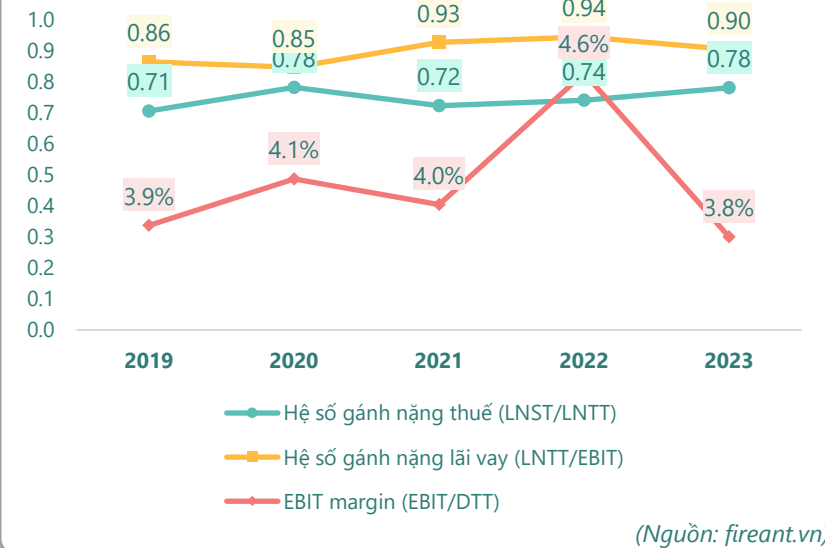
Chỉ số thanh khoản



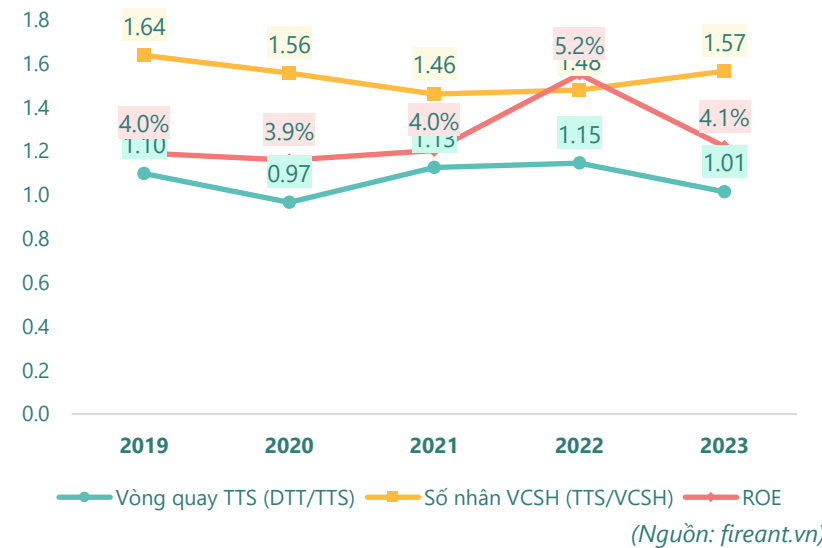
Vòng quay tài sản



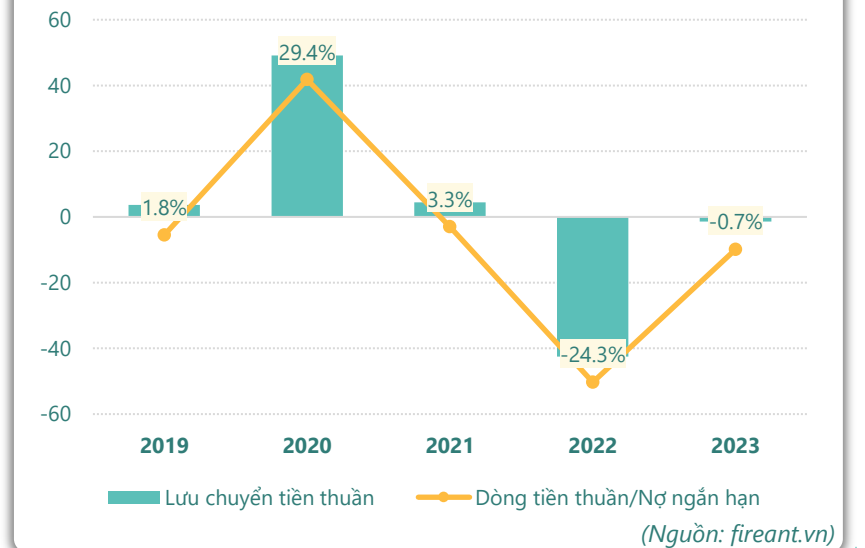
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	165	128	29.2%	370	330	12.1%
Giá vốn hàng bán	106	91.2	16.7%	249	233	6.9%
Lợi nhuận gộp	58.9	37.0	59.2%	120	96.5	24.7%
Doanh thu HĐTC	1.05	1.01	3.5%	3.24	3.70	-12.4%
Chi phí TC	3.83	4.19	-8.5%	10.7	10.4	2.5%
Chi phí lãi vay	0.37	0.49	-25.4%	1.15	1.47	-22.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		-0.79	-0.37	-112%
Chi phí bán hàng	26.8	18.2	47.0%	56.2	49.0	14.7%
Chi phí QLDN	19.2	11.2	71.3%	43.0	33.0	30.3%
LN thuần từ HĐKD	10.2	4.39	132%	12.8	7.37	74.1%
Lợi nhuận khác	0.02	0.21	-90.6%	0.49	0.13	271%
LN trước thuế	10.2	4.60	122%	13.3	7.50	77.6%
Lợi nhuận sau thuế	8.13	3.70	120%	10.5	5.95	76.3%
LNST của CĐ cty mẹ	7.64	3.33	130%	9.72	5.38	80.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.3	31.9	-0.52	-0.56	-8.44	22.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	-0.17	0.36	-8.10	-0.41	3.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.49	-10.4	-6.75	-0.11	-0.36	-11.6
Tiền đầu kỳ	44.1	52.0	73.4	66.2	57.4	48.2
Lưu chuyển tiền thuần	7.82	21.4	-6.92	-8.77	-9.20	14.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	-0.28	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	52.0	73.4	66.2	57.4	48.2	62.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	516	532	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	421	434	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	62.4	66.2	-5.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	3.00	167%
Phải thu ngắn hạn	216	246	-12.0%
Hàng tồn kho	119	107	11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	11.5	33.9%
Tài sản dài hạn	94.6	98.6	-4.1%
Phải thu dài hạn	0.26	0.21	25.7%
Tài sản cố định	18.6	20.6	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.88	3.81	1.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.57	5.36	-14.7%
Tài sản dài hạn khác	67.2	68.7	-2.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	186	198	-6.4%
Nợ ngắn hạn	182	195	-6.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.9	39.6	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	79.3	92.3	-14.1%
Nợ dài hạn	3.33	3.33	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	330	334	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	330	334	-1.1%
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.13	0.13	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

